

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC
DUYÊN HẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

-----***-----

Số: 23 /CV-TASADH - 2015

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2015

(V/v: Giải trình chênh lệch KQHĐKD
Quý I/2015)

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

1. Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ Phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải.
2. Mã chứng khoán: TCO
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 189 Đường Đình Vũ, Đông Hải 2, Hải An, Hải Phòng.
4. Điện thoại: 0313.978 895 FAX: 0313.978 895

(Đơn vị tính: Đồng)

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	Quý 1/ 2015	Quý 1/2014	Chênh lệch*	
			+/-	%
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4,534,862,595	6,135,889,729	(1,601,027,134)	-26%
Giá vốn hàng bán	3,871,762,721	5,214,754,973	(1,342,992,252)	-26%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	663,099,874	921,134,756	(258,034,882)	-28%
Doanh thu hoạt động tài chính	7,901,551,544	5,762,255,122	2,139,296,422	37%
Chi phí tài chính	56,570,657	315,547,352	(258,976,695)	-82%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	662,497,488	690,210,427	(27,712,939)	-4%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7,845,583,273	5,677,632,099	2,167,951,174	38%
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7,653,893,289	5,476,459,055	2,177,434,234	40%

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý I/2015 tăng 40,00% so với cùng kỳ năm trước do các nguyên nhân:

+ Khoản mục doanh thu tài chính tăng 37.% so cùng kỳ do Lợi nhuận quý I/2015 của các công ty con nộp lên Công ty Mẹ cao hơn quý I/2014. (Các công ty con bán tài sản, thiết bị nâng hạ)

+ Chi phí tài chính giảm 82 % so cùng kỳ do Quý I/2015 Công ty Mẹ thừa vốn kinh doanh không phải vay ngân hàng.

Chúng tôi xin cam kết bản giải trình trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung giải trình.

Nơi nhận:

-Như kính gửi

-Lưu

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CHỦ TỊCH HĐQT

Lê Thái Cường



CÔNG TY CP VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC DUYÊN HẢI
Số 189 đường đi Đình Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, TP Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2015

Tháng 05 năm 2015

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2015

MỤC LỤC

STT	Nội dung	Trang
-	<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2015</i>	1-2
-	<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý I năm 2015</i>	3
-	<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý I năm 2015</i>	4
-	<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính Quý I năm 2015</i>	5-27

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. Tài sản ngắn hạn	100		42,990,661,707	38,753,784,329
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		10,452,407,335	8,108,447,776
1. Tiền	111	VI.1	2,452,407,335	3,108,447,776
2. Các khoản tương đương tiền	112		8,000,000,000	5,000,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.2a	13,370,000,000	13,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		13,370,000,000	13,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		16,599,558,519	14,917,128,453
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.3	1,623,696,485	4,536,688,855
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		100,000,000	100,221,500
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4a	14,875,862,034	10,280,218,098
IV. Hàng tồn kho	140		2,417,095,424	2,417,095,424
1. Hàng tồn kho	141	VI.7	3,054,475,424	3,054,475,424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(637,380,000)	(637,380,000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		151,600,429	311,112,676
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.13a	151,600,429	311,112,676
2. Thuế GTGT còn được khấu trừ	152			
B. Tài sản dài hạn	200		176,978,636,329	176,144,096,510
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,920,000,000	2,920,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	VI.4b	1,920,000,000	2,920,000,000
II. Tài sản cố định	220		4,472,813,629	4,736,413,468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	4,472,813,629	4,736,413,468
- Nguyên giá	222		10,077,572,471	10,077,572,471
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5,604,758,842)	(5,341,159,003)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.12	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.8	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		170,375,646,388	168,210,685,378
1. Đầu tư vào công ty con	251		143,035,120,074	143,035,120,074
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253			
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1,439,473,686)	(1,394,434,696)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	VI.2b	28,780,000,000	26,570,000,000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		210,176,312	276,997,664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.13b	210,176,312	276,997,664
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.24a		
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		219,969,298,036	214,897,880,839

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. Nợ phải trả	300		3,336,831,159	5,639,869,899
I. Nợ ngắn hạn	310		3,336,831,159	5,196,669,899
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.16	1,334,354,882	1,474,764,194
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		23,452,595	23,452,595
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.17	103,167,137	527,030,081
4. Phải trả người lao động	314		118,345,700	123,546,585
5. Chi phí phải trả	315	VI.18	38,351,500	52,465,650
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.20	73,962,321	295,849,161
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.19	480,735,934	823,520,485
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.15a	799,000,000	1,819,000,000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		365,461,090	57,041,148
II. Nợ dài hạn	330		-	443,200,000
7. Phải trả dài hạn khác	337			443,200,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.15b		
D Vốn chủ sở hữu	400	VI.25	216,632,466,877	209,258,010,940
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.25a	216,632,466,877	209,258,010,940
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		140,300,000,000	140,300,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		137,800,000,000	137,800,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11,874,859,500	11,874,859,500
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(2,524,789,900)	(2,524,789,900)
10. Quỹ dự phòng tài chính	420		477,841,404	337,506,100
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		66,504,555,873	59,270,435,240
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		59,270,435,240	50,234,465,268
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,234,120,633	9,035,969,972
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440=300+400)	440		219,969,298,036	214,897,880,839

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy

Lê Thái Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

QUÝ I NĂM 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	4,534,862,595	6,135,889,729	4,534,862,595	6,135,889,729
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	03				-	-
+ Hàng bán bị trả lại					-	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		4,534,862,595	6,135,889,729	4,534,862,595	6,135,889,729
Giá vốn hàng bán	11	VII.3	3,871,762,721	5,214,754,973	3,871,762,721	5,214,754,973
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		663,099,874	921,134,756	663,099,874	921,134,756
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	7,901,551,544	5,762,255,122	7,901,551,544	5,762,255,122
7 Chi phí tài chính	22	VII.5	56,570,657	315,547,352	56,570,657	315,547,352
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		11,531,667	315,547,352	11,531,667	315,547,352
8 Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.8	662,497,488	690,210,427	662,497,488	690,210,427
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7,845,583,273	5,677,632,099	7,845,583,273	5,677,632,099
11 Thu nhập khác	31				-	-
12 Chi phí khác	32				-	-
13 Lợi nhuận khác	40				-	-
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7,845,583,273	5,677,632,099	7,845,583,273	5,677,632,099
15 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	191,689,984	201,173,044	191,689,984	201,173,044
16 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7,653,893,289	5,476,459,055	7,653,893,289	5,476,459,055

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ I NĂM 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Quý I năm 2015	Quý I năm 2014
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	5,212,254,782	5,832,391,886
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(4,050,644,514)	(2,639,252,230)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(435,185,095)	(353,096,396)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(11,531,667)	(326,214,018)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(336,945,738)	(260,642,730)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5,952,967,117	13,269,416,535
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8,031,916,648)	(14,224,046,628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1,701,001,763)	1,298,556,419
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	2,500,000,000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3,170,000,000)	(3,150,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	590,000,000	1,509,500,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5,207,011,610	3,240,425,991
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5,127,011,610	1,599,925,991
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã PH	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	510,000,000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1,020,000,000)	(4,069,045,720)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(62,063,230)	(6,366,005,539)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1,082,063,230)	(9,925,051,259)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	2,343,946,617	(7,026,568,849)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	8,108,447,776	8,537,301,384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	12,942	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10,452,407,335	1,510,732,535

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Người lập



Nguyễn Thu Thủy

Kế toán trưởng



Nguyễn Thu Thủy

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Lê Thái Cường

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ I NĂM 2015

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Vận tải đa phương thức Duyên Hải (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ Phần số 0200793081 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 03 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11, ngày 14 tháng 04 năm 2015. Theo đó;

Trụ sở chính của Công ty: Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Vốn điều lệ của Công ty : 140.300.000.000 đồng

Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng

2. Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:

- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô, xe container.
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Sửa chữa máy móc thiết bị. Chi tiết : Dịch vụ sửa chữa bảo dưỡng máy móc, thiết bị (không bao gồm tàu biển, máy bay, hoặc các phương tiện và thiết bị vận tải khác);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết : Dịch vụ thông quan; Vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận chuyển hàng không và kinh doanh hàng không chung; Dịch vụ Logistics; Dịch vụ đại lý tàu biển;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô có động cơ khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết : bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cho thuê văn phòng, nhà xưởng);
- Sản xuất thân xe có động cơ, rơ móc và bán rơ mooc;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết : Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : Cho thuê máy móc, thiết bị xếp dỡ hàng hóa; Cho thuê Container;
- Cho thuê xe có động cơ;

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 03 tháng

5. Danh sách các Công ty con và tỷ lệ sở hữu

• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200183294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 6 năm 1997, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 14 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.700.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Km 104+ 200 đường Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Cho thuê kho bãi, văn phòng, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Công ty nắm giữ 99,68% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.68% tại Công ty con.

• Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ

Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2600336943 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Thọ cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 9 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 7, ngày 17 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 6.500.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Lô số 2, Khu công nghiệp Thụy Vân, xã Thụy Vân, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chính là Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, cho thuê kho bãi, văn phòng, lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100,00% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100.00% tại Công ty con.

• Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải

Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200663942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 03 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 09 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 10.800.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,35% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.35% tại Công ty con.

• Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải

Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200644957 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 08 năm 2005, đăng ký thay đổi lần 11 ngày 14 tháng 04 năm 2015. Theo đó:

Vốn điều lệ : 20.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng sửa chữa bảo dưỡng máy móc phương tiện vận tải, bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan.

Công ty nắm giữ 99% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99.00% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội**

Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102805652 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 07 năm 2008, đăng ký thay đổi lần 6 ngày 28 tháng 05 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 2.520.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : P212, Nhà N3A, Lê Văn Lương, Trung hòa - Nhân chính, phường Nhân chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt nam.

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là vận tải hàng hoá bằng đường bộ, cho thuê xe có động cơ, kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH Container Minh Thành**

Công ty TNHH Container Minh Thành (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0200667880 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 10 tháng 04 năm 2006, thay đổi lần thứ 7 ngày 5 tháng 8 năm 2014. Theo đó;

Vốn điều lệ : 24.000.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chủ yếu là kho bãi và lưu giữ hàng hóa, Cho thuê kho bãi, văn phòng, Cho thuê xe có động cơ.

Công ty nắm giữ 99,9% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 99,9% tại Công ty con.

• **Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải**

Công ty TNHH Thời trang Mỹ phẩm Duyên Hải (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201129229 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2010, thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 09 năm 2013. Theo đó;

Vốn điều lệ : 999.000.000 đồng

Trụ sở đăng ký tại : Số 189, đường đi Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính là Bán buôn, bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống.

Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ của Công ty con này đến thời điểm 31/03/2015. Quyền biểu quyết của Công ty Mẹ: 100% tại Công ty con.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỷ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, các thông tư về việc hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quyết định ban hành chuẩn mực kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

(Trường hợp doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán thực hiện theo đúng hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính cụ thể như sau:

- + 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

5.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trung đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

5.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính

- *Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:*

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

Mức dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính	=	Vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	-	Vốn chủ sở hữu thực có	x	Vốn đầu tư của doanh nghiệp	
						Tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế	

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước:

Chi phí trả trước ngắn hạn: Là các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Chi phí trả trước dài hạn: Là các loại chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần là giá trị chênh lệch giữa giá bán và mệnh giá cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trừ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu.

10.1. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

10.2. Doanh thu cung cấp dịch vụ: được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

10.3. Doanh thu hoạt động tài chính: Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong năm là lãi tiền gửi ngân hàng

10.4. Doanh thu nhận trước: Phản ánh số hiện có và tình hình tăng giảm doanh thu chưa thực hiện của doanh nghiệp trong kỳ kế toán. Doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về tiền thuê văn phòng, thuê tài sản.

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Chi phí tài chính bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

12. Nguyên tắc ghi nhận Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và các loại thuế khác.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại và số thuế hoãn lại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có). Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp Quý I năm 2015 là 22%.

Thuế thu nhập hoãn lại: Được tính trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ

phải trả được thanh toán. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Không bù trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế GTGT được kê khai và hạch toán theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác Công ty kê khai và nộp thuế theo quy định hiện hành của Nhà nước.

97-C
↓
TƯC
↓
PH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Đơn vị tính: Đồng	
	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền mặt	233,867,918	95,676,299
Tiền gửi ngân hàng	2,218,539,417	3,012,771,477
Các khoản tương đương tiền	8,000,000,000	5,000,000,000
Gửi tiết kiệm Ngân hàng TMCP ĐT và PT VN - CN Đông HP(1)	8,000,000,000	5,000,000,000
Cộng:	10,452,407,335	8,108,447,776

(1). Gửi tiết kiệm có kỳ hạn 01 tháng Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Đông Hải Phòng theo HĐ số 510/HĐTĐ ngày 09 tháng 12 năm 2014 và số 01/HĐTĐ ngày 03 tháng 03 năm 2015.

2. Các khoản đầu tư tài chính

a Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn (Đầu tư tài chính ngắn hạn)	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải (1)	11,000,000,000	11,000,000,000	11,000,000,000	11,000,000,000
Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải (2)	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000	2,000,000,000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội(3)	370,000,000	370,000,000		
Cộng:	13,370,000,000	13,370,000,000	13,000,000,000	13,000,000,000

(1). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 01/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư mua sắm bổ sung phương tiện vận tải.

(2). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH sản xuất và thương mại Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 02/HDCVV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để đầu tư TSCĐ.

(3). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 01/HĐCVV/2015 ngày 27 tháng 01 năm 2015, lãi suất vay 7%/năm. Công ty con dùng khoản vay này để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.

b Đầu tư tài chính đến ngày đáo hạn (Đầu tư tài chính dài hạn)	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải(1)	14,460,000,000	14,460,000,000	11,660,000,000	11,660,000,000
Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội(2)	320,000,000	320,000,000	400,000,000	400,000,000
Công ty TNHH Container Minh Thành (3)	14,000,000,000	14,000,000,000	14,510,000,000	14,510,000,000
Cộng:	28,780,000,000	28,780,000,000	26,570,000,000	26,570,000,000

(1). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCV/2014 ngày 05 tháng 12 năm 2014, lãi suất vay 8%/năm; số 02/HDCV/2015 ngày 27 tháng 01 năm 2015, lãi suất vay 10%/năm; số 03/HDCV/2014 ngày 03 tháng 02 năm 2015 và số 04/HDCV/2015 ngày 03 tháng 04 năm 2015, lãi suất vay 6%/năm. Công ty TNHH vận tải đường bộ Duyên Hải dùng khoản vay này để mua sắm dàn xe Container.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(2). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội theo Hợp đồng cho vay số 05/HDCV/2013 ngày 02 tháng 01 năm 2013, lãi suất vay 8%/năm. Công ty TNHH MTV vận tải đa phương thức Duyên Hải Hà Nội dùng khoản vay này để kinh doanh.

(3). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH Container Minh Thành theo Hợp đồng cho vay số 10/HDCVV/2013 ngày 10 tháng 12 năm 2013, lãi suất vay 10%/năm. Công ty con dùng nguồn vay này để sửa chữa, nâng cấp bãi và thanh toán khoản nợ đến hạn ngân hàng

3. Phải thu của khách hàng	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
a/ Phải thu của khách hàng ngắn hạn	1,431,105,332	4,353,869,656
b/ Phải thu của khách hàng dài hạn		
c/ Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem phần thuyết minh BCTC mục IX.5)	192,591,153	182,819,199
Cộng:	1,623,696,485	4,536,688,855

4. Phải thu khác	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
a Ngắn hạn (Không quá 12 tháng)				
Phải thu khác của các bên liên quan	635,817,167		773,951,000	
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	171,463,333		138,262,222	
- Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	161,895,556		434,694,111	
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	177,468,000		182,688,000	
- Công ty TNHH Container Minh Thành	120,555,556		-	
- Công ty TNHH MTV VT ĐPT Duyên Hải Hà Nội	4,434,722		18,306,667	
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	10,346,605,470		7,629,772,001	
- Công ty TNHH Vận tải Đường bộ Duyên Hải	2,570,095,066		1,318,536,191	
- Cty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	3,020,429,339		1,951,856,188	
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	4,288,711,969		3,648,858,333	
- Công ty TNHH Container Minh Thành	45,216,685		268,556,073	
- Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	422,152,411		441,965,216	
Ký cược, ký quỹ				
Phải thu khác (TK 1388, 1389, 141, 244)	3,893,439,397		1,876,495,097	
Cộng:	14,875,862,034	-	10,280,218,098	-

b Dài hạn (Trên 12 tháng)	<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia				
Ký cược, ký quỹ				
Phải thu khác (TK 1388, 1389, 141, 244)	1,920,000,000		2,920,000,000	
Cộng:	1,920,000,000	-	2,920,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hoá	3,054,475,424	(637,380,000)	3,054,475,424	(637,380,000)
Cộng:	3,054,475,424	(637,380,000)	3,054,475,424	(637,380,000)

9. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Phụ lục 01)

13. Chi phí trả trước

a Ngắn hạn

- Chi phí văn phòng, các khoản chi phí khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí văn phòng, các khoản chi phí khác	151,600,429	311,112,676
Cộng:	151,600,429	311,112,676

b Dài hạn

- Chi phí sửa chữa xe nâng số 5
- Thiết bị văn phòng, sửa xe con
- Các khoản khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí sửa chữa xe nâng số 5	167,000,625	222,667,500
- Thiết bị văn phòng, sửa xe con	43,175,687	54,330,164
- Các khoản khác		
Cộng:	210,176,312	276,997,664

15. Vay và nợ thuê tài chính(phụ lục 02)

16. Phải trả người bán

a Phải trả các bên liên quan

(xem phần thuyết minh BCTC mục IX.5)

b Phải trả thương mại

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a Phải trả các bên liên quan	1,303,951,007	1,303,951,007	1,420,996,532	1,420,996,532
(xem phần thuyết minh BCTC mục IX.5)				
b Phải trả thương mại	30,403,875	30,403,875	53,767,662	53,767,662
Cộng:	1,334,354,882	1,334,354,882	1,474,764,194	1,474,764,194

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Phải nộp

- Thuế GTGT
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối kỳ
- Thuế GTGT	333,046,178	94,566,816	397,636,374	29,976,620
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	186,945,738	191,689,984	336,945,738	41,689,984
- Thuế thu nhập cá nhân	7,038,165	32,043,283	7,580,915	31,500,533
Cộng:	527,030,081	318,300,083	742,163,027	103,167,137

18. Chi phí phải trả

Chi phí trích trước tạm tính giá vốn

	Cuối kỳ	Đầu Năm
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	38,351,500	52,465,650

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

<u>Cộng:</u>	<u>38,351,500</u>	<u>52,465,650</u>
	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu Năm</u>
19. Phải trả khác		
Phải trả ngắn hạn khác		
Bảo hiểm xã hội	7,826,260	6,037,200
Bảo hiểm y tế	1,354,545	
Bảo hiểm thất nghiệp	602,020	
Cổ tức lợi nhuận phải trả	288,187,850	288,187,850
Các khoản phải trả, phải nộp khác	182,765,259	529,295,435
<u>Cộng:</u>	<u>480,735,934</u>	<u>823,520,485</u>
20. Doanh thu chưa thực hiện		
Doanh thu nhận trước	73,962,321	295,849,161
<u>Cộng:</u>	<u>73,962,321</u>	<u>295,849,161</u>
2. Vốn chủ sở hữu		
a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (Phụ lục 03)		
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
Vốn góp của của các đối tượng khác	137,800,000,000	137,800,000,000
Số lượng cổ phiếu quỹ	2,500,000,000	2,500,000,000
<u>Cộng:</u>	<u>140,300,000,000</u>	<u>140,300,000,000</u>
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	140,300,000,000	128,700,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		11,600,000,000
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	140,300,000,000	140,300,000,000
+ Cổ tức lợi nhuận đã chia trong đó:	-	12,913,965,530
- Cổ đông của công ty mẹ		12,620,000,000
- Cổ đông thiểu số		293,965,530
d. Cổ phiếu	<u>Cuối kỳ</u>	<u>Đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14,030,000	14,030,000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13,780,000	13,780,000
+ Cổ phiếu phổ thông	13,780,000	13,780,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	250,000	250,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

+ Cổ phiếu phổ thông	250,000	250,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13,780,000	13,780,000
+ Cổ phiếu phổ thông	13,780,000	13,780,000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu

đ, Cổ tức	Số năm nay	Số năm trước
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kế toán năm:	-	-
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	Chưa công bố	12%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

CTC
JC
HONG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Đơn vị tính: Đồng	
	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thương mại, dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu xuất tàu Shipline	360,300,652	520,073,679
Doanh thu kho CFS	421,367,298	1,115,876,347
Doanh thu bãi	1,853,982,133	542,976,372
Doanh thu vận tải	288,539,090	204,689,998
Doanh thu thương mại, dịch vụ	1,610,673,422	3,752,273,333
Cộng:	4,534,862,595	6,135,889,729
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
Hàng bán trả lại	-	-
Cộng:	-	-
3. Giá vốn hàng bán thương mại, dịch vụ	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
Giá vốn xuất tàu Shipline	334,683,678	521,066,411
Giá vốn kho CFS	400,298,934	1,115,876,352
Giá vốn bãi	1,687,322,302	542,976,372
Giá vốn vận tải	168,136,362	168,281,362
Giá vốn thương mại, dịch vụ	1,281,321,445	2,866,554,476
Cộng:	3,871,762,721	5,214,754,973
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5,035,934	4,262,230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6,974,265,166	4,763,209,171
Lãi Chênh lệch tỷ giá	12,942	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	922,237,502	994,783,721
Cộng:	7,901,551,544	5,762,255,122
5. Chi phí tài chính	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
Lãi tiền vay	11,531,667	315,547,352
Dự phòng giảm giá đầu tư (Đầu tư tài chính vào công ty con)	45,038,990	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cộng:	56,570,657	315,547,352
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
Chi phí nhân viên	412,365,184	358,177,091
Chi phí khấu hao tài sản cố định	19,484,565	19,484,565
Các khoản chi phí QLDN khác	230,647,739	312,548,771
Cộng	662,497,488	690,210,427
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Quý I Năm 2015	Quý I Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu		1,450,000,000
Chi phí Khấu hao TSCĐ	244,115,274	341,258,130
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,627,647,447	3,423,496,843
Cộng	3,871,762,721	5,214,754,973
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Quý I Năm 2015	Quý I năm 2014
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	191,689,984	201,173,044
Cộng	191,689,984	201,173,044

D Những thông tin khác

1. Quản trị rủi ro tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả phải nộp khác. Mục đích của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản cho vay và các khoản phải thu khác, tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua của các công cụ này.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có 4 loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi và các khoản đầu tư.

Rủi ro lãi suất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến nghĩa vụ nợ dài hạn có lãi suất thả nổi của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu là đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính bao gồm cả tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư trong tài khoản tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với khoản mục trên Bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập Báo cáo tài chính là giá trị ghi sổ đã được trình bày ở trên và Công ty nhận thấy rủi ro tín dụng đối với khoản mục này là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp phải khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty thực hiện giám sát rủi ro thanh khoản thông qua duy trì một lượng tiền mặt và các khoản vay ngân hàng mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty, để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

2. Công cụ tài chính (Tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính)

Công ty chưa tiến hành xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính do chưa có hướng dẫn cụ thể từ cơ quan quản lý. Bảng dưới đây sẽ trình bày giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Đơn vị tính: đồng

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015		
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,452,407,335	10,452,407,335
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1,623,696,485	1,623,696,485
Phải thu ngắn hạn khác	14,875,862,034	14,875,862,034
Cộng	26,951,965,854	26,951,965,854
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015		
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá trị hợp lý</u>
Nợ phải trả tài chính		
Ngắn hạn		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	799,000,000	799,000,000
Phải trả người bán ngắn hạn	1,334,354,882	1,334,354,882
Phải trả ngắn hạn khác	480,735,934	480,735,934

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Dài hạn		-
Phải trả dài hạn khác		-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn		-
Cộng	2,614,090,816	2,614,090,816
4. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình hoạt động doanh nghiệp	Tại thời điểm 31/03/2015	Tại thời điểm 31/03/2014
a. Bố trí cơ cấu tài sản:		
- Tài sản dài hạn/ Tổng tài sản (%)	80%	82%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản (%)	20%	18%
b. Tỷ suất sinh lợi:		
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu (%)	169%	89%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu (%)	4%	3%
c. Tình hình tài chính:		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	2%	3%
- Tiền và đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (%)	2%	2%
- Tỷ lệ đầu tư tài sản cố định trên vốn chủ sở hữu (Tổng giá trị còn lại của TSCĐ/ Tổng vốn chủ sở hữu)	2%	2%

5. Nghiệp vụ với các bên liên quan

Đơn vị tính: đồng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu sau:

Danh sách các bên liên quan đã có giao dịch trong kỳ với Công ty:

TT	Tên tổ chức/ Cá nhân	Mối quan hệ
1	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công ty con
2	Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công ty con
3	Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công ty con
4	Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công ty con
5	Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công ty con
6	Công ty TNHH Thời Trang Mỹ Phẩm Duyên Hải	Công ty con
7	Công ty TNHH Container Minh Thành	Công ty con
8	Ông Nguyễn Đình Chung	Cổ đông lớn
9	Công ty Cổ phần Hàng hải MACS	Cổ đông lớn
10	Ông Nguyễn Thành Lê	Cổ đông lớn
11	Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện	Cổ đông lớn

Các bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ

Từ 01/01/2015
đến 31/03/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Giá vốn		2,661,583,669
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1,191,100,594
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	1,316,533,075
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Giá vốn dịch vụ	153,950,000
- Doanh thu		548,352,087
1 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	10,270,497
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	307,298,364
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Doanh thu dịch vụ	201,777,215
5 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Doanh thu dịch vụ	26,618,156
6 Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Doanh thu dịch vụ	1,190,688
7 Công ty TNHH Container MinhThành	Doanh thu dịch vụ	1,197,167
- Cổ tức và lợi nhuận được chia		6,974,265,166
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Lợi nhuận	1,225,210,267
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Lợi nhuận	2,025,034,033
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Lợi nhuận	909,718,567
5 Công ty TNHH Container MinhThành	Lợi nhuận	227,245,736
6 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Lợi nhuận	2,587,056,563
- Các khoản phải thu		Tại ngày 31/03/2015
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	73,040,000
2 Công ty TNHH vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	9,551,153
3 Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	110,000,000
Cộng		192,591,153
- Các khoản phải thu khác		Tại ngày 31/03/2015
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải thu	2,741,558,399
2 Công ty TNHH Container MinhThành	Công nợ phải thu	165,772,241
3 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải thu	3,182,324,895
4 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải Phú Thọ	Công nợ phải thu	4,288,711,969
5 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải thu	599,620,411
6 Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Công nợ phải thu	4,434,722
Cộng		10,982,422,637
- Đầu tư tài chính ngắn hạn		Tại ngày 31/03/2015
1 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	2,000,000,000
2 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	11,000,000,000
3 Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Vay vốn kinh doanh	370,000,000
Cộng		13,370,000,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Đầu tư tài chính dài hạn		Tại ngày 31/03/2015
1 Công ty TNHH Container MinhThành	Vay vốn kinh doanh	14,000,000,000
2 Công ty TNHH MTV vận tải Đa phương thức Duyên Hải Hà Nội	Vay vốn kinh doanh	320,000,000
3 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Vay vốn kinh doanh	14,460,000,000
Cộng		28,780,000,000

- Phải trả người bán		Tại ngày 31/03/2015
1 Công ty TNHH vận tải Đường bộ Duyên Hải	Công nợ phải trả	74,250,000
2 Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Duyên Hải	Công nợ phải trả	521,832,322
3 Công ty TNHH Vận tải Duyên Hải	Công nợ phải trả	707,868,685
Cộng		1,303,951,007

6. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần vận tải Đa phương thức Duyên Hải đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006. Số liệu mang sang đầu năm 2015 là số liệu của cuối năm 2014 nhưng được chỉnh sửa theo thông tư TT200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Số liệu so sánh chỉnh lại theo TT200/2014/TT-BTC như sau:

Tài sản	Số cuối năm 2014 theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	Số đầu năm 2015 theo QĐ200/2014/ QĐ-BTC ngày 22/12/2014	Số liệu so sánh
A. Tài sản ngắn hạn	41,673,784,329	38,753,784,329	2,920,000,000
III Các khoản phải thu ngắn hạn	14,181,607,381	14,917,128,453	(735,521,072)
6 Các khoản phải thu ngắn hạn khác	9,544,697,026	10,280,218,098	(735,521,072)
V Tài sản ngắn hạn khác	3,966,633,748	311,112,676	3,655,521,072
5 Tài sản ngắn hạn khác	3,655,521,072		3,655,521,072
B. Tài sản dài hạn	173,224,096,510	176,144,096,510	(2,920,000,000)
I Các khoản phải thu dài hạn		2,920,000,000	(2,920,000,000)
6 Các khoản phải thu dài hạn khác		2,920,000,000	(2,920,000,000)
Nguồn vốn	Số cuối năm 2014 theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006	Số đầu năm 2015 theo QĐ200/2014/ QĐ-BTC ngày 22/12/2014	Số liệu so sánh
C. Nợ phải trả	5,639,869,899	5,639,869,899	-
8 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		295,849,161	(295,849,161)
9 Phải trả ngắn hạn khác	1,119,369,646	823,520,485	295,849,161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

D. Vốn chủ sở hữu	209,258,010,940	209,258,010,940	-
11 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	59,270,435,240	59,270,435,240	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		50,234,465,268	Thuyết minh tách số kỳ trước và kỳ này
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		9,035,969,972	

7. Thông tin về tính hoạt động liên tục

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc của Công ty Cổ phần Vận tải Đa phương thức Duyên Hải khẳng định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh trong các năm tài chính tiếp theo.

Hải Phòng, ngày 07 tháng 05 năm 2015

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Thu Thủy

Nguyễn Thu Thủy

Lê Thái Cường

Phu lục số 01:

TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm		31,348,182	9,961,658,923	84,565,366	10,077,572,471
- Mua trong kỳ					-
- XDCB hoàn thành		-	-	-	-
- Tăng khác	-		-		-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-			-	-
Số dư cuối kỳ	-	31,348,182	9,961,658,923	84,565,366	10,077,572,471
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		25,252,704	5,248,103,055	67,803,244	5,341,159,003
- Khấu hao trong kỳ		2,612,349	258,801,126	2,186,364	263,599,839
- Tăng khác	-				-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác	-		-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	27,865,053	5,506,904,181	69,989,608	5,604,758,842
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	-	6,095,478	4,713,555,868	16,762,122	4,736,413,468
- Tại ngày cuối kỳ 31/03/2015	-	3,483,129	4,454,754,742	14,575,758	4,472,813,629

Phụ lục số 02:

VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Đồng

Khoản mục	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	799,000,000	799,000,000	-	1,020,000,000	1,819,000,000	1,819,000,000
Vay cá nhân (1)	799,000,000	799,000,000		1,020,000,000	1,819,000,000	1,819,000,000
Vay dài hạn						
Tổng cộng	799,000,000	799,000,000	-	1,020,000,000	1,819,000,000	1,819,000,000

(1) Khoản vay : 799.000.000 đồng của các cá nhân không lãi để thực hiện hợp đồng đặt cọc với Công ty Cổ phần Bất động sản Minh Phương

Phu lục số 03:

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	128,700,000,000	9,615,359,500	(2,524,789,900)	225,534,038	50,234,465,268	186,250,568,906
Tăng vốn trong năm trước	11,600,000,000	2,320,000,000	-	-	-	13,920,000,000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25,716,164,878	25,716,164,878
Tăng khác	-	-	-	111,972,062	-	111,972,062
Giảm vốn trong năm trước	-	60,500,000	-	-	-	60,500,000
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	16,680,194,906	16,680,194,906
						-
2. Số dư cuối năm trước	140,300,000,000	11,874,859,500	(2,524,789,900)	337,506,100	59,270,435,240	209,258,010,940
3. Số dư đầu năm nay	140,300,000,000	11,874,859,500	(2,524,789,900)	337,506,100	59,270,435,240	209,258,010,940
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7,653,893,289	7,653,893,289
Tăng khác	-	-	-	140,335,304	-	140,335,304
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	419,772,656	419,772,656
						-
4. Số dư cuối kỳ 31/03/2015	140,300,000,000	11,874,859,500	(2,524,789,900)	477,841,404	66,504,555,873	216,632,466,877